

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sáu**

2. Ông **Quách Trung Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Thêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 508/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-DS ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị Ngọc X**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh **Cao Hữu D**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số Y, tổ Z, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị X, anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc X trình bày:* Vào năm 2019, chị có cho anh Cao Hữu D mượn 12 chỉ vàng 18K, đi cầm số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vài tháng trả, nhưng đến nay chưa trả. Nay chị yêu cầu anh D trả 12 chỉ vàng 18K. Đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020, ghi trong giấy nợ là 30.000.000 đồng.

* *Theo Tờ tự khai đề ngày 07/01/2021, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Hữu D trình bày:* Anh không có mượn 12 chỉ vàng 18K của chị X, nên không đồng ý trả vàng theo yêu cầu chị X.

Tại phiên tòa, chị X, anh D vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Theo lời trình bày của chị X do quen biết nên chị X có cho anh D mượn 12 chỉ vàng 18K và có làm giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 có chữ ký của anh D. Chị X cũng đã nộp giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, anh D trình bày không có mượn vàng gì của chị X, không thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 là của anh D và lời khai của ông Nguyễn Văn R người viết giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 cũng xác nhận là ông R viết giấy xác nhận nợ tại nhà ông R, viết theo yêu cầu của chị X chứ không chứng kiến việc anh D có ký tên vào giấy xác nhận nợ và không biết tiền gì.

Ngoài giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 thì chị X không có tài liệu gì và cũng không trưng cầu giám định chữ ký của anh D trong giấy xác nhận nợ để chứng minh cho yêu cầu của chị X.

Tại phiên tòa chị X cũng đã xác nhận là đưa vàng cho anh D một lần để anh D đi cầm nhưng chứng cứ mà chị X cũng cấp là 02 Biên nhận cầm đồ thì số vàng không phù hợp với lời trình bày của chị. Anh D lại không thừa nhận mượn số vàng 12 chỉ trên.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Ngọc X.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị X kiện tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị X kiện yêu cầu anh D trả số vàng đã mượn. Xét thấy, mặc dù nguyên đơn khai cho mượn vàng vì không tính tiền lãi suất. Tuy nhiên tại Điều 494 Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng mượn tài sản..., bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn...”. Như vậy, theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn.

Tại Điều 463 Hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng vay tài sản..., khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi khi có thỏa thuận...”

Tài sản tranh chấp theo đơn khởi kiện trong vụ án này là vàng và theo lời khai nguyên đơn khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là vàng hoặc tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo lời chị X khai vào năm 2019, chị có cho Cao Hữu D mượn 12 chỉ vàng 18K, anh D đi cầm được số tiền 30.000.000 đồng. Đồng thời chị X cung cấp chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020 và 02 “Biên nhận cầm đồ” đề ngày 02/9/2019 và ngày 30/10/2019.

[2.1]. Về chứng cứ:

- Xét chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020 theo nội dung “Giấy xác nhận nợ” có đoạn ghi... “Mượn của Hoàng Thị X vàng và nữ trang trị giá 30.000.000. Con ruột của ông Cường...”. Tuy nhiên, anh D không thừa nhận có ký tên và chữ ký nơi “người xác nhận nợ” không phải do anh ký.

Hơn nữa, “Giấy xác nhận nợ” này là do ông Nguyễn Văn R viết. Theo biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2021 do Tòa án lập, ông Nguyễn Văn R khai ông viết theo yêu cầu của chị X và ông cũng không biết việc vay mượn vàng của hai bên. Tại thời điểm ông R viết giấy xác nhận nợ này không có mặt anh D và ông R cũng không có chứng kiến anh D ký tên vào giấy xác nhận nợ đề ngày 10/5/2020. Đồng thời Tòa án đã có thông báo số 75B/2021/TB-TAH ngày 01/3/2021 cho hai bên về việc Trung cầu giám định chữ ký, nhưng hai bên đều không yêu cầu và tại phiên Tòa chị X cũng xác định không yêu cầu Trung cầu giám định chữ ký. Như vậy, chưa có căn cứ để xác định anh D có vay của chị X 12 chỉ vàng 18K theo “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020.

- Xét chứng cứ là 02 “Biên nhận cầm đồ” đề ngày 02/9/2019 và ngày 30/10/2019 của Tiệm vàng Kim Q ở thị xã E, tỉnh Long An. Xét 02 “Biên nhận cầm đồ” do chị X cung cấp có 01 “Biên nhận cầm đồ” đề ngày 02/9/2019 có ghi tên “D” nhưng số tiền cầm ghi ở biên nhận là “2.300” theo chị X khai số tiền là 2.300.000 đồng, còn “Biên nhận cầm đồ” đề ngày 30/10/2019 thì ghi tên người cầm là chị X. Mặc dù phía dưới nơi khách hàng có chữ ký theo chị X khai là của anh D, nhưng anh D không thừa nhận và số tiền theo giấy cầm đồ này chỉ có 13.000.000 đồng. Như vậy, theo 02 “Biên nhận cầm đồ” đề ngày 02/9/2019 và ngày 30/10/2019 cũng không khớp với số tiền theo lời chị X khai, vì chị khai đưa cho anh D 01 lần là 12 chỉ vàng 18K, chị đi cùng anh D đến tiệm vàng cầm được số tiền là 30.000.000 đồng.

[2.2]. Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị X yêu cầu anh D trả 12 chỉ vàng 18K là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X.

[2.3]. Theo tham khảo giá vàng 18K tại thời điểm xét xử tính tròn có giá là 3.800.000 đồng/01 chỉ x 12 chỉ (Số vàng tranh chấp) R tiền là 45.600.000 đồng nên lấy giá này để làm cơ sở tính tiền án phí trong vụ án.

[3]. Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Ngọc X yêu cầu anh Cao Hữu D trả 12 chỉ vàng 18K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị Ngọc X chịu 2.280.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0004536 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên chị Hoàng Thị Ngọc X phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.530.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN